

Bản án số: 158/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM - TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thu Trang

Ông Lê Phú Chánh Thể

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên
tòa:*** Bà Huỳnh Thị Duyên Em – kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân
huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 341/2023/TLST-HNGĐ ngày 18/8/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 345/2023/QĐXX-ST ngày 05 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1990;

Nơi đăng ký thường trú: số 60, ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Nơi tạm trú: Số a, đường số x, khu phố 2, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Duy T1, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: số 60, ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(chị T, anh T1 vắng mặt, chị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, cùng các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh T1 tự nguyện kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Hòa. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn hạnh phúc gia đình. Vì vậy, chị T xin được ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Trần Duy T, sinh ngày 15/10/2011. Con hiện đang sống chung với anh

T1. Sau khi ly hôn, chị đồng ý giao con chung cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: Không có.

Vì bận đi làm xa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho anh T1 nhưng anh T1 đều vắng mặt và cũng không gửi bất kỳ văn bản trình bày ý kiến nào đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng quy định; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Chị T thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, anh T1 chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Về con chung: Hiện con chung Nguyễn Trần Duy T2 đang sống với anh T1, ý kiến con chung cũng mong muốn được tiếp tục sống với anh T1 nên đề nghị tiếp tục giao con chung cho anh T1 nuôi dưỡng. Ông T1 vắng mặt không có yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh T1. Anh T1 đang cư trú tại xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Theo bản trích lục kết hôn do chị T cung cấp thể hiện Ủy ban nhân dân xã Châu Hòa chứng nhận kết hôn cho chị T và anh T1 vào ngày 16/12/2010. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi cưới nhau, thời gian đầu ông bà sống hạnh phúc, đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh Chị đã sống riêng, không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau. Tòa án đã mở phiên hòa giải để tạo cơ hội hàn gắn cho anh chị nhưng chị T xin vắng mặt, anh T1 vắng mặt không lý do cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của chị T nên Tòa án không thể hòa giải được.

Theo biên bản xác minh ngày 23/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm tại Ủy ban nhân dân xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre thì địa phương không mâu thuẫn giữa chị T và anh T1 do anh chị không

trình báo, hiện con chung đang sống với anh T1. Về tài sản chung và nợ chung của anh chị không có tranh chấp tại địa phương.

Ngày 05/9/2023, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm tiến hành xác minh đối với bà Nguyễn Thị Thùy Vân là mẹ ruột của anh T1 được biết: Chị T và anh T1 xảy ra mâu thuẫn từ khoảng giữa năm 2022, nguyên nhân là do chị T có tình cảm với người đàn ông khác. Anh chị có 01 con chung là em Nguyễn Trần Duy T2, con chung đang sống chung với anh T1 và bà. Anh T1 do bận đi làm không đến Tòa được. Anh T1 và chị T không có tài sản chung, nợ chung không có.

Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu chị T.

[3] Về con chung: Chị T đồng ý giao con chung cho anh T1 nuôi. Con hiện đang sống với anh T1, được chăm sóc, phát triển tốt, có nguyện vọng mong muốn tiếp tục sống với anh. Do đó, cần giao con cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Chị T trình bày tài sản chung, nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh T1 vắng mặt, nếu sau này có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì được quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T cụ thể tuyên:

[1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Duy T1.

[2] Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trần Duy T2, sinh ngày 15/10/2011 cho anh Nguyễn Duy T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Ghi nhận anh Nguyễn Duy T1 không yêu cầu chị Trần Thị T cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một, cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung không tranh chấp, nợ chung không có.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị T có nghĩa vụ nộp án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006131 ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Chị Trần Thị T đã nộp xong án phí.

[5] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- UBND xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Ngoan